

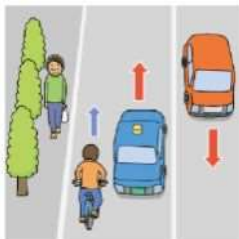
だい しょう せいかつ こうつう
第4章 生活する／交通

にほん こうつうるーる みな くに ちいき るーる ちが ばあい
日本の交通ルールは、皆さんの国や地域のルールと違う場合があります。
あんしん あんぜん せいかつ おく こうつうるーる りかい
安心・安全な生活を送るため、交通ルールをしっかりと理解しておきましょう。

こうつうるーる
4-1 交通ルール



みち ある
【道を歩くとき】



- ひと ほどう みぎがわ ある
① 人は歩道の右側を歩きます。
くるま しゃどう ひだりがわ はし
② 車は車道の左側を走ります。



- みち おうだんほどう
③ 道をわたるときは横断歩道をわたります。

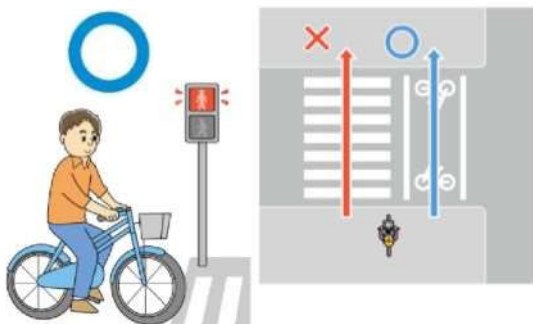
じてんしゃ の
【自転車に乗るとき】



- じてんしゃ ふつう しゃどう ひだりはし はし
① 自転車は普通車道の左端を走ります。
じてんしゃつうこうが ひょうしき
「自転車通行可」の標識のある
ほどう しゃどうよ はし
歩道では車道寄りを走ります。



- と ひょうしき
② 「止まれ」の標識のあるところ
では、止まらなければいけません。



- こうさてん しんごう まも
③ 交差点では信号を守ります。
じてんしゃせんようおうだんほどう わた
自転車専用横断歩道を渡ります。



- こうさてん なな おうだん
④ 交差点で斜め横断をしてはいけません。二段階右折をします。

Chương 4 Sinh hoạt / Giao thông

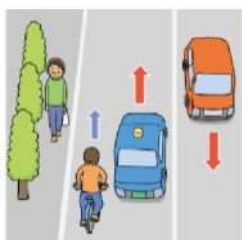
Quy định giao thông Nhật Bản đôi khi sẽ khác với qui định của đất nước, xứ sở bạn.

Để có được cuộc sống an toàn, an tâm, chúng ta hãy nắm rõ quy định giao thông.

4-1 Quy định giao thông



【Đi bộ trên đường】



- ① Người đi bộ đi bên phải vỉa hè.
- ② Xe ô tô chạy bên trái đường.



- ③ Khi băng qua đường, sử dụng lối băng qua đường dành cho người đi bộ.

【Khi sử dụng xe đạp】



- ① Thông thường, xe đạp đi bên trái đường. Nếu trên vỉa hè biển báo có ghi “Xe đạp có thể lưu thông”, thì đi sát mép ngoài gần đường xe chạy.



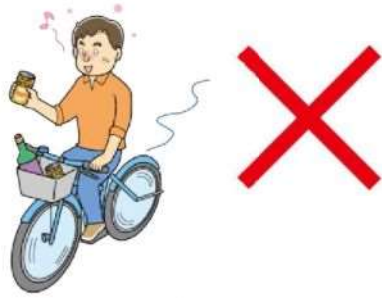
- ② Tại nơi có biển báo ghi “Ngừng lại” bắt buộc phải ngừng lại.



- ③ Tuân thủ tín hiệu đèn giao thông tại giao lộ. Băng qua đường ở lối đi băng qua đường dành riêng cho xe đạp.



- ④ Tại giao lộ không được băng chéo qua bên kia đường. Phải đi 2 lần, băng qua đường và rẽ phải.



⑤ お酒を飲んだら、自転車に乗ってはいけません。



⑥ 傘をさしながら自転車に乗ってはいけません。



⑦ ヘッドホンで音楽を聞きながら乗ってはいけません。



⑧ 携帯電話を使いながら乗ってはいけません。



⑨ 並んで走ってはいけません。



⑩ スピードの出しすぎは いけません。安全なスピードで走ります。



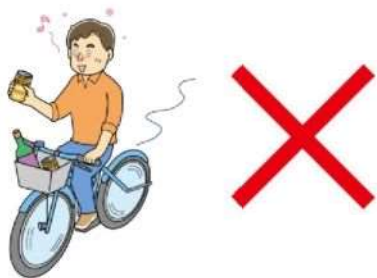
⑪ 二人乗りをしてはいけません。



⑫ 夜はライトをつけます。

■ ルールを守らないと 罰金（お金を払うこと）や 刑務所に入る 可能性があります。

■ 自転車で 交通事故を 起こした場合、多額の 損害賠償責任（多くのお金を払う必要）が 出るかもしれません。自転車保険に 入って おきましょう。



⑤ Khi uống rượu vào, không được đi xe đạp.



⑥ Không được mang dù khi đang đi xe đạp.



⑦ Không được dùng tai nghe để nghe nhạc khi đang đi xe đạp.



⑧ Không được dùng điện thoại di động khi đang đi xe đạp.



⑨ Không được đi song song với xe đạp khác.



⑩ Không được đi quá tốc độ.
Đi với tốc độ an toàn.



⑪ Không được đi xe đạp đôi.



⑫ Bật đèn vào ban đêm.

- Nếu không tuân thủ các quy định, có khả năng bị phạt tiền (đóng tiền phạt) và vào tù.
- Trường hợp đi xe đạp gây ra tai nạn giao thông, có thể sẽ phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại với số tiền lớn (cần trả nhiều tiền). Nên mua trước bảo hiểm xe đạp.

4-2 自転車防犯登録の仕方

【自転車防犯登録】

- 自転車を買ったときやもらったときは、登録をします。



登録シール



自転車を買ったとき ▶▶ 新しく登録します。

自転車をもらったとき ▶▶ 登録の名前を変えます。



ひとことアドバイス

- 自転車を新しく登録することも、名前を変える

ことも、自転車を売っているお店でできます。

- 在留カードを忘れずに持って行ってください。



【自転車を駐車するとき】

- ① 自転車は必ず駐輪場に止めてください。



- ② 道路上に止めてはいけません。
(回収業者に片づけられます。)



4-3 公共交通機関の乗り方

【公共交通機関の種類】



JR



私鉄



地下鉄



バス



路面電車



新幹線

など

4-2 Cách đăng ký phòng chống trộm cắp xe đạp

【Đăng ký phòng chống trộm cắp xe đạp】

- Sau khi mua hoặc nhận xe đạp, cần làm thủ tục đăng ký.



<Tem đăng ký>



Khi mua xe đạp ▶▶ Đăng ký mới.

Khi nhận xe đạp ▶▶ Thay đổi tên người đăng ký.



Góc đề xuất

- Việc đăng ký mới xe đạp cũng như thay đổi tên, có thể thực hiện ở cửa hàng bán xe đạp.

- Nhớ đừng quên mang theo thẻ lưu trữ.



【Khi đỗ xe đạp】

① Nhất định phải để xe ở bãi đỗ xe đạp.

② Không được đỗ xe trên đường.
(Người của công ty thu gom sẽ mang đi.)



4-3 Cách sử dụng giao thông công cộng

【Các loại phương tiện giao thông công cộng】



JR



Đường sắt tư nhân



Tàu điện ngầm



Xe buýt



Xe điện mặt đất



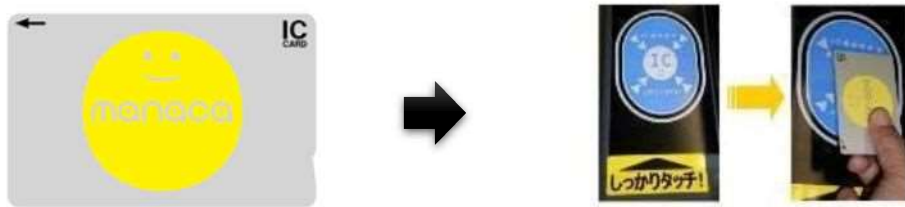
Tàu Shinkansen v.v.

【電車（JR・私鉄・地下鉄など）の乗り方】

- ① 路線図で 行き方を 確かめます
- ② 行き先までの切符を 買います
- ③ 改札を 通ります



- ※ 交通系 I C カードがあるときは 切符を買わずに、改札に I C カードを タッチして 通ります



【バスの乗り方】

- ① バス料金が どこまで乗っても 同じとき
（料金が決まっているとき）
⇒ 普通、乗るときに お金を 払います。



- ② バス料金が 乗る距離によって 変わるとき
⇒ 乗るときに 整理券を 取ります。
⇒ 降りるときに 自分の整理券の番号を 見て
前のボードの 同じ番号に 書いてある お金を
払います。



- ※ I C カードが 使えるバスも 多いです。
I C カードが あるときは 乗るときに 1回、
または、乗るときと 降りるときの 2回 タッチします。

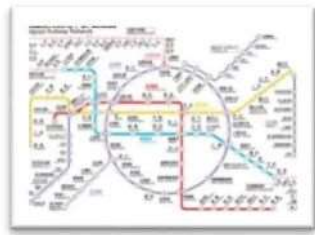


- ※ バスを 降りるときは ボタンを 押して 運転手に 知らせます。



【Cách sử dụng tàu điện (JR / Đường sắt tư nhân / Tàu điện ngầm v.v.)】

- ① Xác nhận cách đi trên bản đồ đường tàu chạy
- ② Mua vé đến ga đến
- ③ Đút vé ở cổng soát vé



※ Nếu có thẻ IC dùng cho giao thông thì không mua vé, chỉ cần chạm ở cổng soát vé để đi vào



【Cách sử dụng xe buýt】

- ① Nếu vé xe buýt đồng giá cho tất cả các trạm dừng (Khi cước phí đã được quy định sẵn)
⇒ Thông thường lúc lên xe sẽ trả tiền.
- ② Khi cước phí xe buýt khác nhau tùy theo cự ly đi
⇒ Khi lên xe, lấy phiếu đánh số thứ tự.
⇒ Lúc xuống xe, đối chiếu số ghi ở phiếu mình với số hiển thị tương ứng ở màn hình phía trước để trả tiền.



※ Nhiều xe buýt cũng có thể sử dụng thẻ IC.

Khi có thẻ IC, lúc lên xe chạm 1 lần, ngoài ra, cũng có khi chạm 2 lần cho lúc lên và xuống.



※ Khi xuống xe buýt, nhấn vào nút để thông báo cho tài xế.



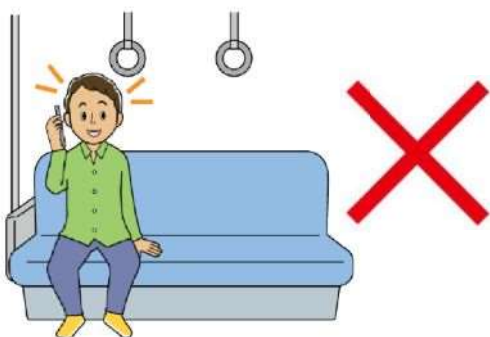
公共交通機関に 乗る時のマナー



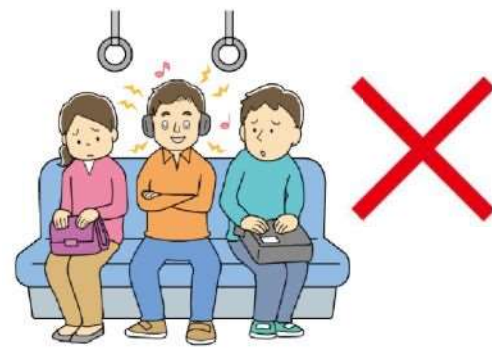
① プラットフォームや バス停では
列に 並んで 待ちましょう。



② 電車や バスに 乗る時は、降りる
人が 降りてから、乗りましょう。



③ 電車や バスの中では、大声で 話し
たり、電話で 話したり、しないよう
にしましょう。



④ ヘッドホンからの 音漏れに
気を付けましょう。



⑤ 優先席の近くでは、ペースメーカー
等への影響のため、携帯電話の
電源を OFFにしましょう。



＜優先席マーク＞

<つかってみよう! にほんご>

優先席は どういう意味ですか。

バスの乗りかたを 教えてください。

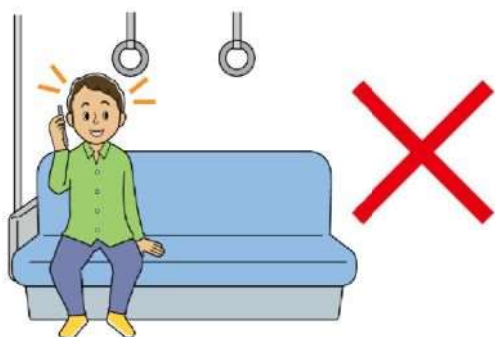
【Quy tắc ứng xử khi sử dụng giao thông công cộng】



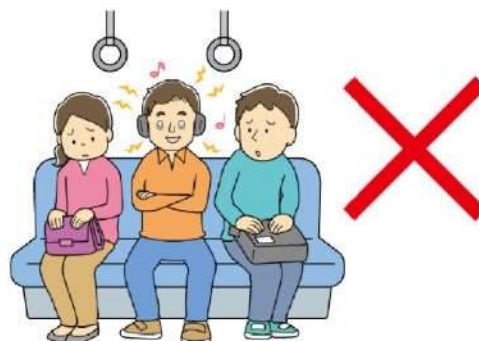
① Xếp hàng chờ ở sân ga và trạm xe buýt.



② Khi lên tàu điện, xe buýt, đợi khách muốn xuống ở trên tàu, trên xe đi xuống hết rồi mới lên.



③ Bên trong tàu điện, xe buýt tránh không nói lớn tiếng, hoặc nói chuyện điện thoại.



④ Chú ý âm thanh rò rỉ từ tai nghe.



⑤ Tại khu vực ghế ngồi ưu tiên, vì sẽ ảnh hưởng đến những người mang máy trợ tim, hãy tắt nguồn điện thoại.



<Ký hiệu ghế ngồi ưu tiên>

<Hãy dùng thử! Tiếng Nhật>



Ghế ngồi ưu tiên **nghĩa là gì?**



Xin chỉ giúp tôi **cách đi xe buýt.**